

Bản án số: **06/2023/DS-ST**

Ngày: 28/3/2023.

V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Nhu Y.**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Dương Văn X.**

2. Bà Đỗ Thị H.

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hải H** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Thập** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đình Xuân Ch**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Xóm HNH, thôn 9, xã HK, huyện S, TP. H.

2. Bị đơn : Anh **Tạ Văn H**, sinh năm 1975.

Chị Đỗ Thị HG (Đỗ Thị Thu HG), sinh năm 1981.

Cùng trú tại: Thôn HL, xã HN, huyện S, Tp.H.

Có mặt ông Ch, vắng mặt anh H, chị HG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2022 và các lời khai tiếp theo ông **Đình Xuân Ch** trình bày:

Bố anh **Tạ Văn H** là bạn đi bộ đội cùng với ông, sau ngày giải ngũ thì các

ông vẫn chơi cùng nhau. Sau đó anh H và chị HG cần tiền làm ăn, mở trang trại nên có đến hỏi vay tiền của ông.

Ngày 20/4/2018 (âm lịch) tức ngày 03/5/2018 (dương lịch) ông có cho anh H, chị HG vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, 03 tháng trả lãi một lần.

Ngày 29/12/2018 (âm lịch) tức ngày 03/01/2019 anh H, chị HG lại tiếp tục đến vay của ông số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Sau đó ông viết giấy nợ chị HG ký. Trong giấy vay nợ ông xuất trình cho Tòa án có ghi vay số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) là ông ghi tổng số tiền vay của cả 02 lần chứ không phải anh H, chị HG vay thêm 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Anh H, chị HG hẹn đến ngày 20/3/2019 (âm lịch) tức ngày 24/4/2019 (dương lịch) trả đủ gốc và lãi.

Đến ngày 07/4/2019 (âm lịch) tức ngày 11/5/2019 (dương lịch) chị HG vợ anh H trả ông số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và hẹn đến ngày 07/5/2019 (âm lịch) tức ngày 09/6/2019 (dương lịch) trả cả nợ cũ và mới. Tuy nhiên từ đó đến nay anh H, chị HG không trả gốc và cũng không trả lãi cho ông.

Đến nay, anh H, chị HG còn nợ ông số tiền gốc là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng).

Nay ông yêu cầu anh H, chị HG phải trả cho ông số tiền gốc là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng) và không yêu cầu Tòa án giải quyết về lãi.

Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2022 anh H và chị HG trình bày:

Anh chị đã được Tòa án huyện S cho xem giấy vay nợ do ông Đinh Xuân Ch xuất trình cho Tòa án. Anh chị xác nhận chữ ký trong giấy vay nợ do ông Ch xuất trình đúng là chữ ký của vợ chồng anh chị.

Năm 2018 do cần tiền để làm ăn kinh doanh trang trại nên vợ chồng anh có vay của ông Đinh Xuân Ch số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) có viết giấy tờ. Sau đó anh chị có vay nóng của ông Ch thêm số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), số tiền này anh chị không nhớ có viết giấy tờ hay không, khi vay có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng.

Sau khi vay tiền của ông Ch xong anh chị đã trả ông Ch số tiền 10.000.000đ tiền vay nóng và tiền lãi hàng tháng còn lại số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) đến nay anh chị chưa trả do vợ chồng anh chị làm ăn

thua lỗ chưa có tiền trả. Việc anh chị trả ông Ch số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) không có giấy tờ gì.

Nay ông Ch yêu cầu vợ chồng anh trả ông Ch số tiền 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng) thì quan điểm của anh chị là anh chị chỉ còn nợ ông Ch số tiền 50.000.000đ, còn số tiền 8.000.000đ là tiền lãi ông Ch cộng vào. Anh chị chỉ đồng ý trả số tiền 50.000.000đ. Tuy nhiên đến nay anh chị làm ăn thua lỗ chưa có tiền trả cho ông Ch khi nào bán được trâu bò thì anh chị mới có tiền trả cho ông Ch.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà sau khi nhận xét, đánh giá quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đã xác định:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Điều 436, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Xuân Ch; Buộc anh Tạ Văn H và chị Đỗ Thị HG (Đỗ Thị Thu HG) trả ông Đinh Xuân Ch số tiền nợ gốc là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ch không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh H và chị HG phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như việc thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Tạ Văn H và chị Đỗ Thị HG (Đỗ Thị Thu HG) cư trú tại thôn HL, xã HN, huyện S, thành phố H.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện S thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về số tiền nợ gốc và lãi:

Căn cứ vào giấy vay tiền do ông Đinh Xuân Ch xuất trình thì:

+ Ngày 20/4/2018 (âm lịch) tức ngày 03/5/2018 (dương lịch) ông Ch có cho anh H, chị HG vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), hai bên thống nhất thỏa thuận sau 02 năm trả đầy đủ. Ngoài ra trong giấy vay tiền có ghi lãi suất là 2%/tháng và 03 tháng trả lãi 01 lần.

+ Ngày 29/12/2018 (âm lịch) tức ngày 03/01/2019 (dương lịch) anh H, chị HG lại tiếp tục đến vay của ông Ch số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), ông Ch viết gộp 02 lần với tổng số tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 2%/tháng và hạn đến ngày 20/3/2019 (âm lịch) tức ngày 09/6/2019 (dương lịch) trả cả nợ cũ và mới.

Ngày 07/4/2019 (âm lịch) tức ngày 11/5/2019 (dương lịch) chị HG là vợ anh H đã trả ông Ch số tiền 2.000.000đ và hạn đến ngày 07/5/2019 (âm lịch) tức ngày 09/6/2019 (dương lịch) trả cả nợ cũ và mới.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H chị HG xác nhận có vay của ông Ch số tiền 60.000.000đ. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định Hợp đồng vay tài sản giữa ông Ch và anh H, chị HG là Hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi.

Căn cứ vào giấy vay nợ ông Ch xuất trình thì ngày 20/4/2018 (âm lịch) tức ngày 03/5/2018 (dương lịch), các bên thỏa thuận hạn trả nợ là 02 năm. Tuy nhiên đến ngày 29/12/2018 (âm lịch) tức ngày 03/01/2019 (dương lịch) và ngày 07/4/2019 (âm lịch) tức ngày 11/5/2019 (dương lịch) hai bên thỏa thuận ngày 07/5/2019 (âm lịch) tức ngày 09/6/2019 (dương lịch) trả hết nợ như vậy là các bên thỏa thuận lại thời hạn trả nợ. Do vậy xác định thời hạn của Hợp đồng là từ ngày 20/4/2018 (âm lịch) tức ngày 03/5/2018 (dương lịch) đến ngày 07/5/2019 (âm lịch) tức ngày 09/6/2019 (dương lịch). Tuy nhiên hết thời hạn vay anh H, chị HG không trả tiền cho ông Ch nên xác định thời điểm phát sinh tranh chấp là ngày 10/6/2019. Ngày 25/10/2022, ông Ch có đơn khởi kiện anh H, chị HG tại Tòa án và tại phiên tòa ông Ch chỉ yêu cầu anh H, chị HG trả nợ số tiền gốc và không yêu cầu lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H, chị HG khai đã trả ông Ch số tiền 10.000.000đ. Tuy nhiên anh chị không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh anh chị đã trả ông Ch số tiền 10.000.000đ này nên ông Ch yêu cầu anh H, chị HG phải trả số tiền 58.000.000đ là có căn cứ.

[3] Về án phí:

Anh H, chị HG phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 146, 147, 161, 162, 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 270, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Xuân Ch: Buộc anh Tạ Văn H và chị Đỗ Thị HG (Đỗ Thị Thu HG) trả ông Đinh Xuân Ch số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng);

2. Về án phí: Anh Tạ Văn H và chị Đỗ Thị HG (Đỗ Thị Thu HG) phải chịu 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, Ông Ch có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H, chị HG vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- THADS huyện S;
- Tòa án ND TP.H;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Nhu Y